

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
MORGAN STANLEY HƯỚNG VIỆT**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2014**

## I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Những sự kiện quan trọng

Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hướng Việt, chính thức được thành lập vào ngày 29/12/2006 theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 52/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty có trụ sở đặt tại Số 8, Phố Thiền Quang, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Năm 2008 đánh dấu một bước ngoặt lớn trong sự phát triển của Công ty với sự tham gia 49% vốn góp của Morgan Stanley. Ngày 05/02/2008 Công ty đã chính thức nhận được giấy phép của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép đổi tên Công ty thành "**Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt**", mở rộng ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 đồng lên 300.000.000.000 đồng. Mục tiêu hàng đầu của Công ty là tạo các cơ hội đầu tư và mang lại nguồn lợi cho khách hàng cũng như các cổ đông bằng sự tư vấn chuyên nghiệp, các giải pháp mang tính đột phá, quá trình thực hiện xuất sắc và cung cấp kênh kết nối toàn diện với thị trường chứng khoán Việt Nam.

#### *Thông tin về công ty:*

- |                               |   |
|-------------------------------|---|
| ➤ Tên Công ty:                | Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (MSGGS)   |
| ➤ Tên tiếng Anh:              | Morgan Stanley Gateway Securities JSC   |
| ➤ Vốn điều lệ:                | 300.000.000.000 đồng  |
| ➤ Trụ sở chính:               | Số 8 Phố Thiền Quang, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội   |
| ➤ Điện thoại:                 | +84 4 3942 9775   |
| ➤ Fax:                        | +84 4 3942 9776   |
| ➤ Email:                      | <a href="mailto:service@msggs.vn">service@msggs.vn</a>  |
| ➤ Website:                    | <a href="http://www.msggs.com.vn">www.msggs.com.vn</a>  |
| ➤ Giấy phép HĐKD chứng khoán: | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/12/2006<br>Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh số 120/UBCK-GPĐCCTCK ngày 05/02/2008 và số 337/UBCK-GPĐC ngày 29/6/2010 với 3 nội dung chính: (i) Thay đổi tên Công ty; (ii) Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng; (iii) Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh (Bảo lãnh phát hành chứng khoán) |
| ➤ Mã số thuế:                 | 0102132189  |
| ➤ Ngành nghề kinh doanh:      | - Môi giới chứng khoán;<br>- Tự doanh chứng khoán;<br>- Bảo lãnh phát hành;<br>- Tư vấn đầu tư, tài chính.  |

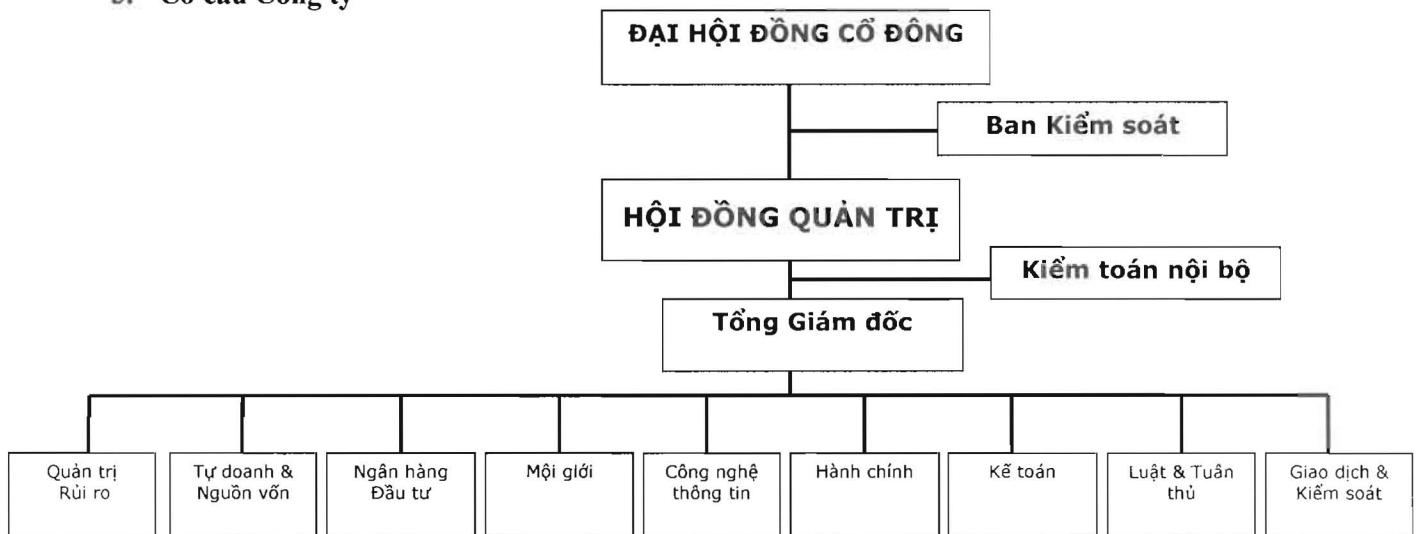
### 2. Quá trình phát triển của công ty

#### **Các mốc thời gian quan trọng trong lịch sử phát triển của MSGGS:**

- |              |   |
|--------------|---|
| ➤ 29/12/2006 | MSGGS được cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số 52/UBCK-GPHĐKD với số vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng và 4 nghiệp vụ chính: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán. |
| ➤ 14/2/2007  | Được Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch  |

- Chứng khoán Hà Nội) ra Quyết định số 46/QĐ-TTGDHN công nhận tư cách thành viên giao dịch.
- 14/2/2007 Được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp giấy chứng nhận thành viên Lưu ký số 53/GCNTVLK với mã thành viên lưu ký: 050.
  - 28/3/2007 Được Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM) ra quyết định số 50/QĐ-TTGDHCM công nhận tư cách thành viên giao dịch.
  - 05/02/2008 Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép số 120/UBCK-GPĐCCTCK điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 52/UBCK-GPHĐKD ngày 29/12/2006: Thay đổi tên Công ty; Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng; Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh.
  - 19/11/2008 Được Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) ra Quyết định số 452/QĐ- TTGDHN chấp thuận tham gia hệ thống giao dịch từ xa thị trường niêm yết.
  - 12/03/2008 Được Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Quyết định số 135/QĐ-TTGDHN công nhận Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt là thành viên tham gia đấu thầu trái phiếu chính phủ tại HNX.
  - 13/01/2009 Được Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM chấp thuận tham gia hệ thống giao dịch trực tuyến.
  - 19/06/2009 Được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Quyết định số 297/QĐ-TTGDHN công nhận Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt là thành viên hệ thống đăng ký giao dịch của Sở GDCK Hà Nội (Giao dịch UPCOM).
  - 13/08/2009 Được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán chấp thuận tham gia mạng kết nối Cổng giao tiếp điện tử.
  - 11/09/2009 Được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Công văn số 1377/QĐ-TTGDHN công nhận Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt là thành viên giao dịch Trái phiếu chính phủ chuyên biệt.
  - 14/09/2010 Được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra công văn số 650/QĐ-SGDHN chấp thuận cho Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt tham gia giao dịch trực tuyến tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
  - 24/11/2010 Được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra công văn số 911/QĐ-SGDHN chấp thuận cho Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt được tham gia giao dịch trực tuyến thị trường đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
  - 11/06/2012 Được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra công văn số 427/TB-SGDHN chấp thuận cho Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt được trở thành thành viên của Hệ thống Quản lý Thông tin Công ty (CIMS).
  - 05/09/2013 Thiết lập kết nối Ngân hàng với BIDV nhằm quản lý tách biệt tiền gửi để giao dịch chứng khoán của khách hàng, đáp ứng yêu cầu của Thông tư 210/2012/TT-BTC
  - 27/12/2014 Cập nhật và thử nghiệm hệ thống giao dịch nhằm chuẩn bị cho giao dịch các sản phẩm mới: ETF, Hợp đồng tương lai trái phiếu... theo yêu cầu của hai sở.

### 3. Cơ cấu Công ty



### 4. Định hướng phát triển

Với tầm nhìn chiến lược dài hạn, cũng như theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững, ban lãnh đạo MSGS luôn tập trung vào việc nâng cao và phát triển những yếu tố nội tại bằng cách tập trung đào tạo để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên và phát triển mạnh các dịch vụ hỗ trợ cho các khách hàng.

Công ty xác định sứ mệnh của mình trước mắt như sau:

- ✓ Tăng cường lợi ích bền vững cho các khách hàng các các cổ đông;
- ✓ Trở thành nơi làm việc được lựa chọn hàng đầu, ngôi nhà thứ hai của các tài năng;
- ✓ Áp dụng thực tiễn quản lý tốt nhất và cách thức quản trị tiêu chuẩn quốc tế;
- ✓ Là cầu nối giữa các nhà đầu tư nước ngoài và thị trường tài chính Việt Nam; giữa các doanh nghiệp Việt Nam và thị trường vốn quốc tế.

Để hiện thực hóa sứ mệnh, Công ty sẽ tập trung phát triển các lợi thế cạnh tranh cốt lõi sau:

- ✓ Tập trung sử dụng hiệu quả các mối quan hệ và sự hỗ trợ từ các cổ đông chiến lược;
- ✓ Tập trung phát triển các dịch vụ tài chính; đặc biệt là các mảng dịch vụ tư vấn (Advisory), mua bán sáp nhập (M&As), đối tác chiến lược, phát hành và niêm yết cổ phiếu và trái phiếu ra các thị trường tài chính trong nước và quốc tế;
- ✓ Áp dụng các quy trình và chính sách hoạt động theo tiêu chuẩn quốc tế;

Trong dài hạn, MSGS định hướng một số chiến lược phát triển chính như sau:

- ✓ Định hướng phát triển MSGS thành định chế tài chính đa năng;
- ✓ Từng bước tăng cường năng lực tài chính để tạo sức mạnh cạnh tranh;
- ✓ Tăng cường chế độ đãi ngộ và thu hút nhân tài;
- ✓ Áp dụng các chuẩn mực quản trị tiên tiến, tăng cường công tác quản lý rủi ro;
- ✓ Xây dựng và duy trì hình ảnh, thương hiệu MSGS;
- ✓ Đảm bảo hoạt động ổn định và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra;

- ✓ Đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin.

**II. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ**

**1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát**

▪ **Thành phần Hội đồng Quản trị:**

- Ông Ronald Ong: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Bà Tô Minh Hương: Thành viên Hội đồng Quản trị
- Bà Nguyễn Thị Nhung: Thành viên Hội đồng Quản trị
- Ông James Hedley Bidlake: Thành viên Hội đồng Quản trị

▪ **Ban Kiểm soát**

- Ông Anthony Mullineaux: Thành viên Ban Kiểm soát  
(từ chức ngày 15/12/2014)
- Ông Ravi Harish Vazirani: Thành viên Ban Kiểm soát  
(bắt đầu từ ngày 15/12/2014)
- Bà Đặng Linh Giang: Thành viên Ban Kiểm soát
- Bà Bùi Mỹ Hạnh: Thành viên Ban Kiểm soát

**2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Điều Hành:**

(Tại thời điểm lập báo cáo)

<p><b>Ronald Whatt Soon Ong</b></p> <p><i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i></p> <p><i>Đại diện Morgan Stanley</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Ông Ronald Whatt Soon Ong là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt.</li> <li>▪ Ông Ronald Ong hiện đang là Giám đốc điều hành, Chủ tịch và Tổng Giám đốc Morgan Stanley khu vực Đông Nam Á.</li> <li>▪ Ông Ronald Ong gia nhập tập đoàn Morgan Stanley từ năm 1995. Từ năm 1995 đến nay, Ông đã giữ nhiều vị trí quan trọng của tập đoàn Morgan Stanley như Giám đốc điều hành, trưởng bộ phận Ngân hàng Đầu tư của Morgan Stanley (Singapore) và Tổng Giám đốc của Morgan Stanley khu vực Đông Nam Á.</li> <li>▪ Ông Ronald Ong có bằng cử nhân quản trị kinh doanh của trường đại học Quốc gia Singapore.</li> </ul>
<p><b>Bà Tô Minh Hương</b></p> <p><i>Tổng Giám đốc</i></p> <p><i>Cổ đông sáng lập</i></p> <p><i>Thành viên Hội đồng Quản trị</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Đồng sáng lập viên, kiêm Tổng Giám đốc và Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (MSGGS).</li> <li>▪ Trước khi đến với MSGGS, Bà từng là Đồng sự (Partner) và Giám đốc Đầu tư (CIO) tại Vietnam Partners LLC, phụ trách về các vấn đề về đầu tư và quản lý danh mục đầu tư từ năm 2005 đến 2007. Bà cũng là thành viên chủ chốt tham gia thành lập Công ty Quản lý Quỹ BIDV - Vietnam Partners (BVIM) và Quỹ Đầu tư Việt Nam I.</li> <li>▪ Từ năm 2003 đến 2004, Bà là Trưởng nhóm Xây dựng Mô hình Quản</li> </ul>

	<p>lý Rủi ro Tín dụng Doanh nghiệp (Dự án Basel II)- Bộ phận Quản lý Rủi ro – Ngân hàng Tây Úc, Ngân hàng Halifax Bank of Scotland Australia.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Bà cũng là Giảng viên danh dự về Tài chính tại Trường Đại học Tây Úc từ tháng 06 năm 2002 đến tháng 12 năm 2003.</li> <li>▪ Bà từng làm việc tại Bộ phận Ngân hàng Doanh nghiệp (Corporate Banking) tại Citibank N.A. – Chi nhánh Hà Nội trong thời gian từ năm 1997 – 1998 – đặc biệt liên quan đến khách hàng tổ chức, tài chính thương mại và tài chính dự án.</li> <li>▪ Bà có viết nhiều bài báo chuyên ngành được đăng tại các tạp chí quốc tế nổi tiếng như <i>Journal of Credit Risk</i>, <i>Journal of International Financial Markets, Institutions, and Money</i>, và các báo cáo tại nhiều hội thảo chuyên ngành khác.</li> </ul>
<p><b>Nguyễn Thị Nhung</b></p> <p><i>Thành viên Hội đồng Quản trị</i></p> <p><i>Đại diện Công ty Thanh Ba</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Bà Nguyễn Thị Nhung là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (MSGS).</li> <li>▪ Bà Nhung từ năm 1994-1996 giữ nhiệm vụ Trợ lý Giám đốc tại Elysee Investissement và từ năm 1996 đến nay là Đồng sáng lập viên Công ty OPENASIA.</li> <li>▪ Bà Nhung có bằng cử nhân (Chuyên ngành Tiếng Pháp) của trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội; là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Trung tâm Quản lý &amp; Đào tạo Pháp Việt CFVG và là Thạc sĩ Quản lý Dự án Quốc tế của Trường Đại học Thương mại Paris ESCP.</li> </ul>
<p><b>James Hedley Bidlake</b></p> <p><i>Thành viên Hội đồng Quản trị</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Ông James Hedley Bidlake là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (MSGS).</li> <li>▪ Ông James Bidlake gia nhập tập đoàn Morgan Stanley từ năm 2004 với tư cách là luật sư của bộ phận Ngân hàng Đầu tư.</li> <li>▪ Ông James Bidlake đã từng làm việc cho Toà án Tối cao của Anh Quốc và xứ Wales cũng như Toà án Dân sự Tối cao của Hồng Kông và có bằng cao học chuyên ngành luật của Đại học Luật, Guilford, Hoa Kỳ</li> </ul>

### 3. Thay đổi Chủ tịch, Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Kế toán Trưởng

Ngày 15/12/2014, ông Anthony Mullineaux đã từ chức khỏi vị trí Thành viên Ban Kiểm soát. Ông Ravi Harish Vazirani thay thế nắm giữ vị trí này từ thời điểm đó.

### 4. Chính sách Nhân sự

#### Chính sách tuyển dụng và đào tạo

- **Tuyển dụng:** Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được các nhân sự có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp làm việc tại Công ty. Tuỳ theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng, song tất cả các nhân sự đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như tốt nghiệp đại học, cao học chuyên ngành có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực hoạt động của công ty, nhiệt tình và ham học hỏi, yêu thích công việc và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công

tác, khả năng phân tích và tác nghiệp độc lập, trình độ về ngoại ngữ và tin học.

- **Chính sách thu hút nhân tài:** Công ty dành chính sách lương, thưởng và những chế độ đãi ngộ cao cho các nhân viên giỏi, có trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty nhằm một mặt tạo tâm lý ổn định cho nhân viên và mặt khác để tập hợp, thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc cho Công ty.

**Đào tạo:** Công ty chú trọng vào việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và đa dạng nghiệp vụ cho CBCNV thông qua việc thường xuyên cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước. MSGS cũng đã gửi nhân viên đến Morgan Stanley trong các chuyến tập huấn ngắn hạn nhằm nâng cao trình độ và xây dựng mạng lưới mối quan hệ.

#### **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**

- **Chính sách lương:** Chính sách lương của Công ty bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. CBCNV trong Công ty ngoài việc được hưởng lương tháng theo bậc lương cơ bản còn được hưởng lương công việc theo bảng cấp, khả năng và hiệu quả công việc.
- **Chính sách thưởng:** Nhằm khuyến khích động viên CBCNV, Công ty có chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung.

#### **Các chính sách khác**

- **Chính sách bảo hiểm:** Toàn bộ nhân viên đều được hưởng đầy đủ các chính sách về Bảo hiểm Xã hội và Bảo hiểm Y tế theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra Công ty còn tổ chức chương trình khám sức khỏe định kỳ và tham gia chương trình bảo hiểm chăm sóc sức khỏe và tai nạn cá nhân cho toàn thể CBCNV và người thân (bao gồm vợ, chồng, con..) được khám, chữa bệnh miễn phí trong các hệ thống bệnh viện trong nước và quốc tế.
- **Chính sách khác:** Công ty đã hỗ trợ cán bộ nhân viên thi chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề, tổ chức thăm hỏi, hiếu hỉ, tổ chức tặng quà nhân dịp sinh nhật, các ngày lễ trong năm động viên tinh thần cho CBCNV.

#### **5. Hoạt động của Hội đồng Quản trị**

- ✓ Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh năm 2014 của Công ty;
- ✓ Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại Hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại Hội đồng Cổ đông thông qua quyết định;
- ✓ Trình báo cáo Quyết toán tài chính hàng năm lên Đại Hội đồng Cổ đông;
- ✓ Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức.

#### **6. Thù lao, các khoản lợi ích, chi phí cho Thành viên HĐQT và Thành viên Ban Kiểm soát**

Trong năm 2014, Các Thành viên HĐQT và Thành viên Ban Kiểm soát không nhận thù lao.

**7. Tỷ lệ sở hữu Cổ phần**

(Tại thời điểm lập báo cáo)

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
<b>Tổ chức</b>				
1	Morgan Stanley (Singapore) Holdings Pte. Ltd.	14.700.000	147.000.000.000	49%
2	Công ty TNHH Thanh Ba	9.300.000	93.000.000.000	31%
<b>Cá nhân</b>				
1	Bà Tô Minh Hương	6.000.000	60.000.000.000	20%
<b>Tổng cộng</b>		<b>30.000.000</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****1. Những nét nổi bật của kết quả kinh doanh 2014**

(Đơn vị: VND)

Chỉ tiêu	2014	2013
Tổng giá trị tài sản	364.538.318.234	363.362.518.831
Doanh thu thuần	22.502.733.106	31.103.892.061
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.285.741.553	8.430.392.701
Lợi nhuận khác	-	-
Lợi nhuận trước thuế	1.285.741.553	8.430.392.701
Lợi nhuận sau thuế	1.036.376.763	6.302.207.785

Trong năm 2014, do tình hình nền kinh tế và thị trường tài chính có nhiều diễn biến phức tạp, hoạt động kinh doanh của Công ty gặp một số khó khăn, dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm. Tuy nhiên, với những nỗ lực hết mình của Ban Giám đốc cũng như toàn thể cán bộ, nhân viên và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị về việc tập trung vào các hoạt động tư vấn MSGS trong năm 2015, chúng tôi hy vọng rằng Công ty sẽ sớm hồi phục và phát triển trong những năm sắp tới.

**2. Những thay đổi chủ yếu trong năm**

Công ty đã xây dựng được một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động với 26 cán bộ, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm.

Trong năm 2014, Công ty đã cập nhật và thử nghiệm thành công hệ thống giao dịch nhằm chuẩn bị cho giao dịch các sản phẩm mới: ETF, Hợp đồng tương lai trái phiếu... theo yêu cầu của hai sở.

Hai bộ phận mới thành lập là Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ đã đi vào hoạt động một cách hiệu quả, góp phần tích cực cho công tác Quản trị rủi ro của Công ty.

Bộ phận Tư vấn đã nỗ lực mở rộng các giao dịch tiềm năng trong các ngành mới như Đào tạo, Thông tin, Vận tải và Dịch vụ IT.

**Triển vọng và kế hoạch trong tương lai**



Trong năm 2015, Công ty sẽ tập trung kiện toàn bộ máy nhân sự và xây dựng cơ sở hạ tầng, các chính sách tuân thủ, quy trình nghiệp vụ để tạo nền móng cho sự phát triển trong tương lai.

Công ty cũng sẽ tập trung chủ yếu vào lĩnh vực Tư vấn Đầu tư (Advisory) với mục tiêu phát triển nền tảng khách hàng, đem lại lợi ích lâu dài cho các khách hàng và các cổ đông. Để đạt được những mục tiêu đề ra, Hội Đồng Quản trị sẽ nỗ lực phát triển sự hợp tác bền chặt giữa Công ty và các phòng ban của Morgan Stanley, đặc biệt là bộ phận Bán hàng và Giao dịch (Sales & Trading), Ngân hàng Đầu tư (Investment Banking), Quản lý Tài sản Cá nhân (Private Wealth Management) cũng như các đối tác khác.

#### IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

##### 1. Các chỉ tiêu tài chính

##### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2014	2013
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn / Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	0,57 99,43	0,65 99,35
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	0,91 99,09	0,87 99,13
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	4,52 109,45	5,65 113,79
4	Tỷ suất lợi nhuận - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu	%	0,28 4,61 0,29	1,73 20,26 1,75

##### 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2014, do sự sụt giảm của lãi suất, lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm xuống 1.036.376.763 đồng. Tuy nhiên, Công ty vẫn duy trì được bộ máy quản lý điều hành và các bộ phận nghiệp vụ với những thành viên có năng lực chuyên môn cao, tâm huyết với Công ty và sẽ cố gắng nỗ lực để hồi phục trong năm 2015.

##### 3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Trong năm 2014, Công ty đã hoàn thành một số nhiệm vụ quan trọng như phát triển đội ngũ nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình nghiệp vụ trong hoạt động giao dịch môi giới, thanh toán giao dịch hàng ngày.

Hợp tác với Tập đoàn Morgan Stanley, phòng Ngân hàng Đầu tư (IB) của Công ty đã mở rộng giao dịch và tăng cường hợp tác với các đối tác trong các ngành mới.

Công ty đã cập nhật và thử nghiệm thành công hệ thống giao dịch nhằm chuẩn bị cho giao dịch các sản phẩm mới: ETF, Hợp đồng tương lai trái phiếu... theo yêu cầu của hai sở.

##### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tập trung phát triển các dịch vụ Tư vấn
- Tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin
- Đào tạo để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên
- Phát triển mạnh các dịch vụ hỗ trợ cho nhà đầu tư.
- Xây dựng và duy trì hình ảnh, thương hiệu MSGS.

**V. BÁO CÁO KIỂM TOÁN VÀ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Đơn vị kiểm toán độc lập: **CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Văn phòng Hà Nội: Tầng 12A, toà nhà Vinaconex- 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà nội

Tel: +84 4 6288 3568

Fax: +84 4 62885678

*Ý kiến của kiểm toán độc lập:*

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2015, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-CTCK**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014		31/12/2013	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+150)		<b>362.474.051.486</b>		<b>360.987.209.864</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>6</b>	<b>3.962.702.896</b>		<b>4.044.391.827</b>	
1. Tiền		1.662.702.896		2.244.391.827	
2. Các khoản tương đương tiền		2.300.000.000		1.800.000.000	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>7</b>	<b>347.507.683.000</b>		<b>343.049.405.400</b>	
1. Đầu tư ngắn hạn		350.000.434.200		345.730.049.945	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(2.492.751.200)		(2.680.644.545)	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>10.143.142.943</b>		<b>12.816.772.946</b>	
1. Phải thu khách hàng		-		330.000.000	
2. Trả trước cho người bán		-		95.175.000	
3. Các khoản phải thu khác	<b>8</b>	10.143.142.943		12.391.597.946	
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>860.522.647</b>		<b>1.076.639.691</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		705.701.362		1.055.275.812	
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154.821.285		21.363.879	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)</b>		<b>2.064.266.748</b>		<b>2.375.308.967</b>	
<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>837.024.794</b>		<b>890.793.662</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	<b>9</b>	592.429.942		706.418.991	
- Nguyên giá		5.798.954.502		5.431.888.902	
- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.206.524.560)		(4.725.469.911)	
2. Tài sản cố định vô hình	<b>10</b>	244.594.852		184.374.671	
- Nguyên giá		3.000.968.383		2.825.846.383	
- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.756.373.531)		(2.641.471.712)	
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.227.241.954</b>		<b>1.484.515.305</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	<b>11</b>	277.305.248		590.266.072	
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	<b>12</b>	554.712.426		499.024.953	
3. Tài sản dài hạn khác		395.224.280		395.224.280	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>		<b>364.538.318.234</b>		<b>363.362.518.831</b>	
<b>NGUỒN VỐN</b>					
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>	<b>3.311.873.035</b>		<b>3.172.450.395</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>3.311.873.035</b>		<b>3.172.450.395</b>	
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<b>314</b>	454.657.596	<b>13</b>	355.483.476	
2. Phải trả người lao động	<b>324</b>	983.624.000		558.058.410	
3. Chi phí phải trả	<b>316</b>	929.791.745	<b>14</b>	961.173.493	
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	<b>319</b>	916.794.853	<b>15</b>	1.269.503.535	
5. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	<b>321</b>	27.004.841		28.231.481	
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>	<b>361.226.445.199</b>		<b>360.190.068.436</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>361.226.445.199</b>	<b>16</b>	<b>360.190.068.436</b>	
1. Vốn điều lệ	<b>411</b>	300.000.000.000		300.000.000.000	
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	<b>419</b>	6.134.983.953		6.031.346.276	
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<b>420</b>	55.091.461.246		54.158.722.160	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>	<b>364.538.318.234</b>		<b>363.362.518.831</b>	

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014*

**MẪU SỐ B 01-CTCK**  
*Đơn vị: VND*

<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
<b>1. Chứng khoán lưu ký</b>	<b>3,812,790,000</b>	<b>6,331,990,000</b>
1.1. Chứng khoán giao dịch	3,511,520,000	6,306,480,000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	291,750,000	342,700,000
1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	2,711,700,000	5,440,580,000
1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	427,300,000	427,300,000
1.1.4. Chứng khoán giao dịch của khách hàng ủy quyền	80,770,000	95,900,000
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	300,520,000	-
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	1,950,000	-
1.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	298,570,000	-
1.3. Chứng khoán chờ thanh toán	50,000	250,000
1.3.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	50,000	-
1.3.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	-	250,000
1.4. Chứng khoán chờ giao dịch	700,000	25,260,000
1.4.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	40,000	-
1.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	660,000	25,260,000

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2014	2013
<b>1. Doanh thu</b>		<b>22.502.733.106</b>	<b>31.103.892.061</b>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		24.564.772	109.382.104
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		2.502.939	7.410.035
Doanh thu hoạt động tư vấn		-	300.000.000
Doanh thu khác		22.475.665.395	30.687.099.922
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>		<b>22.502.733.106</b>	<b>31.103.892.061</b>
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	17	821.089.593	1.466.793.635
<b>5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>		<b>21.681.643.513</b>	<b>29.637.098.426</b>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		20.395.901.960	21.206.705.725
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)</b>		<b>1.285.741.553</b>	<b>8.430.392.701</b>
<b>8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30)</b>		<b>1.285.741.553</b>	<b>8.430.392.701</b>
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18	249.364.790	2.128.184.916
<b>10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>		<b>1.036.376.763</b>	<b>6.302.207.785</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*

**MẪU SỐ B 03-CTCK**  
*Đơn vị: VND*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>2014</b>	<b>2013</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1,285,741,553</b>	<b>8,430,392,701</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>		
Khấu hao tài sản cố định	595,956,468	1,149,063,846
Các khoản dự phòng (Lãi) từ hoạt động đầu tư	(187,893,345) (22,368,934,440)	502,259,906 (30,598,024,951)
<b>3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>(20,675,129,764)</b>	<b>(20,516,308,498)</b>
Thay đổi các khoản phải thu	397,366,764	(564,079,325)
Thay đổi chứng khoán tự doanh và đầu tư ngắn hạn khác	(4,270,384,255)	3,844,125,494
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	272,880,047	67,688,227
Thay đổi chi phí trả trước	662,535,274	(504,992,206)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(382,822,197)	(3,348,385,504)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(55,687,473)	(244,889,714)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(24,051,241,604)</b>	<b>(21,266,841,526)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(542,187,600)	(57,486,668)
2. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	24,511,740,273	23,097,250,284
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>23,969,552,673</b>	<b>23,039,763,616</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30)</b>	<b>(81,688,931)</b>	<b>1,772,922,090</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	4,044,391,827	2,271,469,737
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	3,962,702,896	4,044,391,827

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*

MẪU SỐ B 05-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Số dư tại ngày		Số tăng/(giảm) trong năm				Số dư tại ngày	
	01/01/2013	01/01/2014	2013		2014		31/12/2013	31/12/2014
			Tăng	(Giảm)	Tăng	(Giảm)		
1. Vốn điều lệ	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.401.125.498	6.031.346.276	630.220.778	-	103.637.677	-	6.031.346.276	6.134.983.953
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	48.486.735.153	54.158.722.160	6.302.207.785	(630.220.778)	1.036.376.763	(103.637.677)	54.158.722.160	55.091.461.246
	<b>353.887.860.651</b>	<b>360.190.068.436</b>	<b>6.932.428.563</b>	<b>(630.220.778)</b>	<b>1.140.014.440</b>	<b>(103.637.677)</b>	<b>360.190.068.436</b>	<b>361.226.445.199</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103015277 ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép thành lập và hoạt động số 52/UBCKNN-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 120/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 02 năm 2008 và Giấy phép điều chỉnh số 337/UBCK-GPĐCCTCK ngày 29 tháng 6 năm 2010 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 26 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 26).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho công ty chứng khoán.

Công ty lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 95/2008/QĐ-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010. Tuy nhiên, chỉ tiêu Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán chưa được loại trừ ra khỏi bảng cân đối kế toán.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

#### Hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ

Ngày 06 tháng 10 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 146/2014/TT-BTC (“Thông tư 146”) hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư này thay thế Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 01 tháng 02 năm 2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán cổ phần và trách nhiệm hữu hạn. Thông tư 146 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2014 và áp dụng cho năm tài chính 2014 trở đi. Ban Giám đốc Công ty đánh giá

Thông tư 146 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### 4. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

#### 5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng đối với công ty chứng khoán yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Công cụ tài chính**

###### ***Ghi nhận ban đầu***

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác, tài sản dài hạn khác.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm chi phí phải trả, các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác, phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

###### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán**

Đây là các khoản đặt cọc của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

**Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán**

Đây là số tiền của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư tại tài khoản của công ty chứng khoán mở ở ngân hàng chỉ định để sẵn sàng tham gia thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**Đầu tư ngắn hạn**

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán tự doanh và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm. Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán và chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

Giá của các chứng khoán tự doanh được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

**Năm 2014**

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	6
Thiết bị văn phòng	5
Phương tiện vận tải	6

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm ứng dụng được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

**Ghi nhận doanh thu****Hoạt động môi giới chứng khoán**

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

*Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn*

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán là khoản thu nhập từ chênh lệch về mua bán chứng khoán tự doanh của Công ty. Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư góp vốn là lãi thu được từ cổ phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ.

*Hoạt động tư vấn*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ tư vấn được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ tư vấn liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ tư vấn được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ tư vấn đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ tư vấn đó.

*Doanh thu khác*

Doanh thu khác là doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

**Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	30.000.000	30.000.000
Tiền gửi ngân hàng	965.786.132	1.194.766.439
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	1.693.157	1.659.198
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	665.223.607	1.017.966.190
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	2.300.000.000	1.800.000.000
	<b>3.962.702.896</b>	<b>4.044.391.827</b>

## 7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Chứng khoán tự doanh</b>		
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.586.931.300	2.732.481.300
Cổ phiếu niêm yết	13.502.900	97.568.645
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm	347.400.000.000	342.900.000.000
	<b>350.000.434.200</b>	<b>345.730.049.945</b>
<b>Trừ: Dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh</b>		
Dự phòng chứng khoán chưa niêm yết	(2.487.341.300)	(2.639.172.300)
Dự phòng chứng khoán niêm yết	(5.409.900)	(41.472.245)
	<b>(2.492.751.200)</b>	<b>(2.680.644.545)</b>
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>347.507.683.000</b>	<b>343.049.405.400</b>

## 7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Tình hình đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty như sau:

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán VND	So với giá thị trường (VND)		Tổng giá trị theo giá thị trường VND
			Tăng	(Giảm)	
<b>Chứng khoán tự doanh</b>					
- Cổ phiếu chưa niêm yết	28.645	2.586.931.300	-	(2.487.341.300)	99.590.000
- Cổ phiếu niêm yết	730	13.502.900	2.540.100	(5.409.900)	10.633.100
	<b>29.375</b>	<b>2.600.434.200</b>	<b>2.540.100</b>	<b>(2.492.751.200)</b>	<b>110.223.100</b>

Tình hình đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty như sau:

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán VND	So với giá thị trường (VND)		Tổng giá trị theo giá thị trường VND
			Tăng	(Giảm)	
<b>Chứng khoán tự doanh</b>					
- Cổ phiếu chưa niêm yết	30.251	2.732.481.300	-	(2.639.172.300)	93.309.000
- Cổ phiếu niêm yết	4.019	97.568.645	5.467.700	(41.472.245)	61.564.100
	<b>34.270</b>	<b>2.830.049.945</b>	<b>5.467.700</b>	<b>(2.680.644.545)</b>	<b>154.873.100</b>

Chi tiết danh mục đầu tư ngắn hạn giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Số lượng	Giá trị ghi sổ (VND)	(Giảm) so với giá thị	Tổng giá trị thị
			trường (VND)	
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
PMT	28.400	2.584.400.000	(2.485.000.000)	99.400.000
Cổ phiếu khác (*)	245	2.531.300	(2.341.300)	190.000
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
QNC	86	2.430.900	(1.717.100)	713.800
VTS	52	1.944.800	(1.476.800)	468.000
Cổ phiếu khác (*)	326	5.724.800	(2.216.000)	3.508.800
	<b>29.109</b>	<b>2.597.031.800</b>	<b>(2.492.751.200)</b>	<b>104.280.600</b>

(\*) Cổ phiếu khác bao gồm các cổ phiếu lô lẻ mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

## 8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	10.134.082.943	12.276.530.836
Phải thu khác	9.060.000	115.067.110
	<b>10.143.142.943</b>	<b>12.391.597.946</b>

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	65.754.000	4.512.946.402	853.188.500	5.431.888.902
Tăng trong năm	-	367.065.600	-	367.065.600
Tại ngày 31/12/2014	65.754.000	4.880.012.002	853.188.500	5.798.954.502
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	65.754.000	3.806.527.411	853.188.500	4.725.469.911
Khấu hao trong năm	-	481.054.649	-	481.054.649
Tại ngày 31/12/2014	65.754.000	4.287.582.060	853.188.500	5.206.524.560
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2014	-	592.429.942	-	592.429.942
Tại ngày 31/12/2013	-	706.418.991	-	706.418.991

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với giá trị là 4.443.213.762 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 3.115.471.043 VND).

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm ứng dụng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2014	2.825.846.383
Tăng trong năm	175.122.000
Tại ngày 31/12/2014	3.000.968.383
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2014	2.641.471.712
Khấu hao trong năm	114.901.819
Tại ngày 31/12/2014	2.756.373.531
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/12/2014	244.594.852
Tại ngày 31/12/2013	184.374.671

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với giá trị là 2.447.312.188 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 809.120.140 VND).

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	277.305.248	553.267.297
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	36.998.775
	<b>277.305.248</b>	<b>590.266.072</b>

**12. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	98.961.437	98.961.437
Tiền nộp bổ sung	400.748.378	353.125.392
Tiền lãi phân bổ trong năm	55.002.611	46.938.124
	<b>554.712.426</b>	<b>499.024.953</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	454.657.596	341.642.840
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	13.840.636
	<b>454.657.596</b>	<b>355.483.476</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	671.950.570	630.244.565
Phí dịch vụ tư vấn và kiểm toán	189.200.000	240.845.000
Khác	68.641.175	90.083.928
	<b>929.791.745</b>	<b>961.173.493</b>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	666.913.853	1.019.622.535
Phải trả, phải nộp khác	249.881.000	249.881.000
	<b>916.794.853</b>	<b>1.269.503.535</b>



## 16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	300.000.000.000	5.401.125.498	48.486.735.153	353.887.860.651
Lợi nhuận trong năm	-	-	6.302.207.785	6.302.207.785
Trích lập các quỹ	-	630.220.778	(630.220.778)	-
Tại ngày 01/01/2014	300.000.000.000	6.031.346.276	54.158.722.160	360.190.068.436
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.036.376.763	1.036.376.763
Trích lập các quỹ	-	103.637.677	(103.637.677)	-
Tại ngày 31/12/2014	300.000.000.000	6.134.983.953	55.091.461.246	361.226.445.199

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, các công ty chứng khoán phải trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế cho mỗi quỹ cho đến khi mỗi quỹ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

## Vốn điều lệ

Theo Giấy phép điều chỉnh số 337/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 6 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy phép điều chỉnh		Vốn điều lệ đã góp	
	VND	%	VND	%
Morgan Stanley (Singapore) Holdings Pte. Ltd.	147.000.000.000	49	147.000.000.000	49
Bà Tô Minh Hương	60.000.000.000	20	60.000.000.000	20
Công ty TNHH Thanh Ba	93.000.000.000	31	93.000.000.000	31
	<b>300.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>100</b>

## 17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	2014 VND	2013 VND
Chi phí môi giới chứng khoán cho người đầu tư	816.092.178	797.686.004
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	166.718.045	130.435.294
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	2.258.299	4.540.404
(Hoàn nhập dự phòng)/Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	(187.893.345)	502.259.906
Các chi phí khác	23.914.416	31.872.027
	<b>821.089.593</b>	<b>1.466.793.635</b>

**18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2014 VND	2013 VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1.285.741.553</b>	<b>8.430.392.701</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ:		
Thu nhập không chịu thuế	814.239	7.410.035
Chi phí trích trước không được khấu trừ trong năm trước	330.657.000	240.900.000
Cộng:		
Các khoản chi phí không được khấu trừ	179.206.005	330.657.000
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.133.476.319</b>	<b>8.512.739.666</b>
Thuế suất thông thường	22%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>249.364.790</b>	<b>2.128.184.916</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>249.364.790</b>	<b>2.128.184.916</b>

**19. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Ngày 15 tháng 02 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng thuê tòa nhà số 8 Thiên Quang với Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Kinh doanh dịch vụ nhà Hà Nội để làm trụ sở làm việc với thời hạn thuê 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tiền thuê nhà là 129.363.000 VND/tháng trong 24 tháng đầu và sẽ tăng lên 20% kể từ tháng thứ 25 trở đi.

**20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	3.962.702.896	4.044.391.827
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	361.226.445.199	360.190.068.436
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 5.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.962.702.896	4.044.391.827
Đầu tư ngắn hạn	347.507.683.000	343.049.405.400
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.143.142.943	12.721.597.946
Tài sản dài hạn khác	395.224.280	395.224.280
<b>Tổng cộng</b>	<b>362.008.753.119</b>	<b>360.210.619.453</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Chi phí phải trả	257.841.175	330.928.928
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	916.794.853	1.269.503.535
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	27.004.841	28.231.481
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.201.640.869</b>	<b>1.628.663.944</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Công ty không có tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào do không có các khoản vay phát sinh trong năm.

**Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu của Công ty chủ yếu hình thành từ lãi dự thu của các khoản tiền gửi ngân hàng.

### **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

## **20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

### **Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.962.702.896	-	3.962.702.896
Đầu tư tài chính ngắn hạn	347.507.683.000	-	347.507.683.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.143.142.943	-	10.143.142.943
Tài sản dài hạn khác	-	395.224.280	395.224.280
<b>Tổng cộng</b>	<b>361.613.528.839</b>	<b>395.224.280</b>	<b>362.008.753.119</b>
<b>31/12/2014</b>			
Chi phí phải trả	257.841.175	-	257.841.175
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	916.794.853	-	916.794.853
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	27.004.841	-	27.004.841
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.201.640.869</b>	<b>-</b>	<b>1.201.640.869</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>360.411.887.970</b>	<b>395.224.280</b>	<b>360.807.112.250</b>

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.044.391.827	-	4.044.391.827
Đầu tư tài chính ngắn hạn	343.049.405.400	-	343.049.405.400
Phải thu khác	12.721.597.946	-	12.721.597.946
Tài sản dài hạn khác	-	395.224.280	395.224.280
<b>Tổng cộng</b>	<b>359.815.395.173</b>	<b>395.224.280</b>	<b>360.210.619.453</b>
<b>31/12/2013</b>			
Chi phí phải trả	330.928.928	-	330.928.928
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.269.503.535	-	1.269.503.535
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	28.231.481	-	28.231.481
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.628.663.944</b>	<b>-</b>	<b>1.628.663.944</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>358.186.731.229</b>	<b>395.224.280</b>	<b>358.581.955.509</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## 21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	5.559.801.563	6.081.042.330

## 22. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM

CHỈ TIÊU	2014	
	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
<b>1. Chứng khoán tự doanh</b>		
Cổ phiếu	17.209	167.436.300
<b>2. Chứng khoán của nhà đầu tư</b>		
Cổ phiếu	653.381	7.701.292.500
	<b>670.590</b>	<b>7.868.728.800</b>

## 23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**Tổng Giám đốc**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)  
  
**TÔ MINH HƯƠNG**